



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ TRÍ TUỆ VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2021

---

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
Bảng cân đối kế toán	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	5
Thuyết minh báo cáo tài chính	6-17

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.349.195.923</b>	<b>28.433.248.837</b>
<b>I. Tiền và khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>303.163.756</b>	<b>3.458.791.173</b>
1 Tiền	111	4.1	303.163.756	3.458.791.173
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.700.869.494</b>	<b>22.210.684.958</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121	4.2	25.936.710.923	22.374.406.387
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	4.2	(235.841.429)	(163.721.429)
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.108.886.623</b>	<b>2.102.571.428</b>
1 Phải thu của khách hàng	131			
2 Trả trước người bán	132		-	-
3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ	133	4.3	3.013.403.563	6.301.788
4 Các khoản phải thu khác	138	4.4	95.483.060	2.096.269.640
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>236.276.050</b>	<b>661.201.278</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	236.276.050	650.519.393
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			10.681.885
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5 Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.222.362.904</b>	<b>1.363.367.967</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>513.397.632</b>	<b>513.397.632</b>
1 Phải thu dài hạn khách hàng	211			
4 Phải thu dài hạn khác	218	4.6	513.397.632	513.397.632
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		-	-
1 Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn lũy kế	223			
2 Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>708.965.272</b>	<b>849.970.335</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	708.965.272	849.970.335
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3 Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>30.571.558.827</b>	<b>29.796.616.804</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.412.891.388</b>	<b>3.029.112.742</b>
<b>I. Nợ phải trả</b>	<b>310</b>		<b>2.412.891.388</b>	<b>3.029.112.742</b>
1 Vay ngắn hạn	311			
2 Phải trả người bán ngắn hạn	312		1.295.783.732	1.667.308.964
3 Người mua trả tiền trước	313			
3 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		99.590.430	
4 Phải trả người lao động	315		362.995.099	337.256.867
5 Chi phí phải trả	316		435.601.981	874.870.410
6 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.8	218.920.146	149.676.501
7 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1 Các khoản phải trả, phải nộp khác	331		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.158.667.439</b>	<b>26.767.504.062</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>28.158.667.439</b>	<b>26.767.504.062</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.841.332.561)	(43.232.495.938)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>			<b>30.571.558.827</b>	<b>29.796.616.804</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/01/2021
1 Chứng khoán lưu ký của Công ty	006		30.179.000.000	27.010.100.000
- Chứng khoán giao dịch	007		30.179.000.000	27.010.100.000
2 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		15.928.843	16.019.922
- Tiền gửi của NĐT ủy thác trong nước	031	4.9	15.928.843	16.019.922
3 Danh mục đầu tư của NĐT ủy thác	040			
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		715.138.000	715.138.000
+ Cổ phiếu niêm yết		4.10	715.138.000	715.138.000
+ Cổ phiếu không niêm yết				-
+ Tiền gửi có kỳ hạn			-	-
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy				
4 thác	050		-	-
5 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy				
5 thác	051		14.565.509	6.782.249



Đĩnh Thị Thu Hiền  
Giám đốc tài chính

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Quách Trung Kiên  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán quý I kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	3.007.101.775	4.338.101	3.007.101.775	4.338.101
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
<b>3. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>3.007.101.775</b>	<b>4.338.101</b>	<b>3.007.101.775</b>	<b>4.338.101</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	356.575.549	269.592.286	356.575.549	269.592.286
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.650.526.226</b>	<b>(265.254.185)</b>	<b>2.650.526.226</b>	<b>(265.254.185)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.294.821.481	5.438.771	1.294.821.481	5.438.771
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	72.120.000	5.932.297.715	72.120.000	5.932.297.715
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.482.063.521	604.440.804	2.482.063.521	604.440.804
<b>9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>1.391.164.186</b>	<b>(6.796.553.933)</b>	<b>1.391.164.186</b>	<b>(6.796.553.933)</b>
10. Thu nhập khác	31	-	-	-	-
11. Chi phí khác	32	809	11.862.385	809	11.862.385
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(809)</b>	<b>(11.862.385)</b>	<b>(809)</b>	<b>(11.862.385)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>1.391.163.377</b>	<b>(6.808.416.318)</b>	<b>1.391.163.377</b>	<b>(6.808.416.318)</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>1.391.163.377</b>	<b>(6.808.416.318)</b>	<b>1.391.163.377</b>	<b>(6.808.416.318)</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60	198,74	(973)	199	(973)



Đinh Thị Thu Hiền  
Giám đốc tài chính

Ngày 20 tháng 04 năm 2021

Quách Trung Kiên  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán quý I kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1 Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.639.294
2 Tiền chi trả hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(1.489.594.841)	(776.350.823)
3 Tiền chi trả người lao động	03	(1.246.112.831)	(469.063.376)
4 Tiền chi lãi vay	04		
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.343.016.952	
7 Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.503.032.992)	(601.847.028)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(2.895.723.712)</b>	<b>(1.840.621.933)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3 Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4 Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5 Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.052.900.000)	(27.884.243.600)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.792.552.000	
7 Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia	27	444.295	5.438.771
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(259.903.705)</b>	<b>(27.878.804.829)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2 Tiền chi trả vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.115.000.000
4 Tiền chi trả gốc vay	34		
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
6 Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>1.115.000.000</b>
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(3.155.627.417)</b>	<b>(28.604.426.762)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.458.791.173</b>	<b>28.927.286.213</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>303.163.756</b>	<b>322.859.451</b>



**Đinh Thị Thu Hiền**  
Giám đốc tài chính  
Ngày 19 tháng 04 năm 2021

*Đinh Thị Thu Hiền*

*Quách Trung Kiên*

**Quách Trung Kiên**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
			Năm 2020		Năm 2021			
	Tại 01/01/2020 VND	Tại 01/01/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại 31/03/2020 VND	Tại 31/03/2021 VND
1. Vốn đầu tư của CSH 2. LNST chưa phân phối	70.000.000.000 (43.519.258.364)	70.000.000.000 (43.232.495.938)	-	- 6.808.416.318	- 1.391.163.377	-	70.000.000.000 (50.327.674.682)	70.000.000.000 (41.841.332.561)
<b>Cộng</b>	<b>26.480.741.636</b>	<b>26.767.504.062</b>	<b>-</b>	<b>6.808.416.318</b>	<b>1.391.163.377</b>	<b>-</b>	<b>19.672.325.318</b>	<b>28.158.667.439</b>



Đinh thị Thu Hiền  
Giám đốc tài chính

Ngày 19 tháng 04 năm 2021

Quách Trung Kiên  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) có tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bảo Tín, thành lập và hoạt động theo Quyết định số 25/UBCK-GP ngày 14/01/2008 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 21/11/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đối tác Toàn cầu (tên giao dịch là GPA-Global Partners Asset Management). Theo Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 08/4/2015, Công ty tiếp tục đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam (tên giao dịch là Intellectual Vietnam Asset Management).

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện thay đổi một số lần Giấy phép thành lập và hoạt động. Giấy phép điều chỉnh lần gần nhất là số 82/GPĐC-UBCK ngày 14/12/2020. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 VND, chia thành 7.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm.

Hiện tại, trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, 20-22-24 Đông Du, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2021 là 23 người (tại ngày 01/01/2021 là 14 2020 là 23).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có đủ điều kiện – 06 (sáu) nhân viên có Giấy phép hành nghề quản lý quỹ, chi tiết như sau:

Họ tên	Số giấy phép	Ngày cấp	Vị trí công tác
Nguyễn Thị Mai Trinh	000910/QLQ	06/11/2012	Tổng Giám đốc
Nguyễn Gia Đức	000442/QLQ	08/09/2009	Chuyên viên tư vấn đầu tư
Trần Thanh Huyền	001632/QLQ	25/12/2017	Chuyên viên quản lý danh mục đầu tư
Đỗ Minh Khuyên	001726/QLQ	23/11/2018	Chuyên viên tư vấn đầu tư
Trần Thanh Vân	001110/QLQ	27/05/2014	Chuyên viên phân tích
Nguyễn Đức Thọ	001888/QLQ	10/04/2020	Chuyên viên tư vấn đầu tư
Trần Thanh Nga	001841/QLQ	30/09/2019	Ban kiểm soát nội bộ

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/9/2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2.2 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05/9/2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính này.

**3.2 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận tại ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc, bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan.

Sau đó, các khoản đầu tư chứng khoán khác được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 26/10/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được hạch toán vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị gốc các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng phải lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Chi phí trả trước**

Chi phí chờ phân bổ bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**3.7 Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo.

**3.8 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 năm

**3.9 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn thuê của hợp đồng.

**3.10 Doanh thu, thu nhập khác**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Trong trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo kết quả hoàn thành của từng giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

*Thu nhập từ lãi tiền gửi và các khoản đầu tư*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư**

Doanh thu từ các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**3.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán.

**3.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện nước, điện thoại...) và các khoản chi bằng tiền khác.

**3.14 Thuế**

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ theo quy định hiện hành. Trong kỳ, Công ty kinh doanh lỗ nên chưa phát sinh nghĩa vụ nộp thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Các hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	5.925.826	9.090.271
Tiền gửi ngân hàng	297.237.930	3.449.700.902
<b>Cộng</b>	<b>303.163.756</b>	<b>3.458.791.173</b>

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2021				Tại ngày 01/01/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
CEC	8.000	162.102.880	120.000.000	42.102.880	8.000	162.102.880	120.000.000	42.102.880
NVB	2.949.800	25.094.059.494	44.836.960.000	-	2.632.910	21.531.754.958	26.329.100.000	-
OCH	60.100	680.548.549	486.810.000	193.738.549	60.100	680.548.549	558.930.000	121.618.549
<b>Cộng</b>	<b>3.017.900</b>	<b>25.936.710.923</b>	<b>45.443.770.000</b>	<b>235.841.429</b>	<b>2.701.010</b>	<b>22.374.406.387</b>	<b>27.008.030.000</b>	<b>163.721.429</b>

**4.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Cty CP XNK Khoáng Sản	876.388	594.478
Cty TNHH Thương mại và Công nghệ Gia Tu	12.527.175	5.707.310
Công ty CP BNG Construction	2.000.000.000	
CN Công ty TNHH A TYPE		
MACHINE-CLB Bóng đá Cần thơ	1.000.000.000	
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.013.403.563</b>	<b>6.301.788</b>

**4.4 Phải thu khác**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tạm ứng	64.283.060	48.269.640
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	31.200.000	48.000.000
Phải thu tiền bán chứng khoán		2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.483.060</b>	<b>2.096.269.640</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4.5 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Gói dịch vụ trả trước (web hosting, email hosting...)	2.913.490	7.361.920
Chi phí thi công đường điện, mạng văn phòng	-	-
Đồ dùng văn phòng (bàn, ghế, tủ....)		
Chi phí thuê Văn phòng	233.362.560	643.157.473
Khác		
<b>Cộng</b>	<b>236.276.050</b>	<b>650.519.393</b>

**4.6 Phải thu dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	513.397.632	513.397.632
<b>Cộng</b>	<b>513.397.632</b>	<b>513.397.632</b>

**4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Gói cước trả trước (Internet, Chữ ký số, dịch Máy tính, nội thất văn phòng)	4.908.740	
Chi phí thi công văn phòng	290.241.541	77.262.689
Chi phí trả trước dài hạn khác	413.814.991	485.756.341
		286.951.305
<b>Cộng</b>	<b>708.965.272</b>	<b>849.970.335</b>

**4.8 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả, phải nộp ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	162.071.981	149.566.501
Bảo hiểm xã hội	45.130.040	
Bảo hiểm y tế	8.195.625	
Bảo hiểm thất nghiệp	3.522.500	
Phải trả, phải nộp khác		110.000
<b>Cộng</b>	<b>218.920.146</b>	<b>149.676.501</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

**4.9.1. Chi tiết danh sách cổ đông**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND	%	VND	%
Ngô Thu Hương	20.000.000.000	28,57	20.000.000.000	28,57
Đào Đức Mạnh	22.750.000.000	32,50	22.750.000.000	32,50
Công ty CP Germandept	5.000.000.000	7,14	5.000.000.000	7,14
Đoàn Văn Tuyển	3.000.000.000	4,29	3.000.000.000	4,29
Nguyễn Hải Châu	14.920.000.000	21,31	14.920.000.000	21,31
Phạm Văn Tuấn	3.500.000.000	5,00	3.500.000.000	5,00
Nguyễn Huyền Châu	200.000.000	0,29	200.000.000	0,29
Trần Duy Hùng	50.000.000	0,07	50.000.000	0,07
Nguyễn Xuân Dũng	500.000.000	0,71	500.000.000	0,71
Lê Thanh Tuấn	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Nguyễn Hồng Phương	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Trần Đức Vinh	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Trần Như Hoài	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Vũ Duy Chúc	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Vũ Quỳnh Nga	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Trần Thị Diệu Hòa	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
Phạm Uyên Nguyễn	10.000.000	0,01	10.000.000	0,01
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>100,0</b>

**4.9.2 Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4.10 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước**

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	Cty CP XNK	Cty TNHH Thương	Cộng VND
	Khoáng Sản VND	mại và Công nghệ Gia Tuệ VND	
Số dư tại ngày 01/01/2021	15.923.720	96.202	16.019.922
Số tăng trong kỳ	7.865	56	7.921
Số giảm trong kỳ	49.500	49.500	99.000
Số dư tại ngày 31/03/2021	<b>15.882.085</b>	<b>46.758</b>	<b>15.928.843</b>

**4.11 Danh mục đầu của nhà đầu tư ủy thác trong nước**

Chi tiết danh mục

Công ty TNHH Thương mại và công nghệ Gia tuệ

Mã chứng khoán	Tại ngày 31/03/2021				Tại ngày 01/01/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch VND
NVB	95.600	655.338.000	1.453.120.000	797.782.000	95.600	655.338.000	956.000.000	300.662.000
<b>Cộng</b>	<b>95.600</b>	<b>655.338.000</b>	<b>1.453.120.000</b>	<b>797.782.000</b>	<b>95.600</b>	<b>655.338.000</b>	<b>956.000.000</b>	<b>300.662.000</b>

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản

Mã chứng khoán	Tại ngày 31/03/2021				Tại ngày 01/01/2021			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch VND
OCH	5.000	59.800.000	40.500.000	(19.300.000)	5.000	59.800.000	46.500.000	(13.300.000)
<b>Cộng</b>	<b>5.000</b>	<b>59.800.000</b>	<b>40.500.000</b>	<b>(19.300.000)</b>	<b>5.000</b>	<b>59.800.000</b>	<b>46.500.000</b>	<b>(13.300.000)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Tổng hợp Giá trị sổ sách của danh mục**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (giá trị sổ sách)	Cty CP XNK	Cty TNHH Thương	Cộng
	Khoáng Sản	mại và Công nghệ	
	VND	Gia Tuệ	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>59.800.000</b>	<b>655.338.000</b>	<b>715.138.000</b>
Cổ phiếu niêm yết	59.800.000	655.338.000	715.138.000
Cổ phiếu không niêm yết			-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2021</b>	<b>59.800.000</b>	<b>655.338.000</b>	<b>715.138.000</b>
Cổ phiếu niêm yết	59.800.000	655.338.000	715.138.000

**Tổng hợp giá trị thị trường của danh mục**

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (giá trị thị trường)	Cty CP XNK	Cty TNHH Thương	Cộng
	Khoáng Sản	mại và Công nghệ	
	VND	Gia Tuệ	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>46.500.000</b>	<b>956.000.000</b>	<b>1.002.500.000</b>
Cổ phiếu niêm yết	46.500.000	956.000.000	1.002.500.000
Cổ phiếu không niêm yết			-
<b>Số dư tại ngày 31/03/2021</b>	<b>40.500.000</b>	<b>1.453.120.000</b>	<b>1.493.620.000</b>
Cổ phiếu niêm yết	40.500.000	1.453.120.000	1.493.620.000

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Doanh thu**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm	Năm	Năm 2021	Năm 2020
	2021 VND	2020 VND	VND	VND
DT hoạt động quản lý danh mục đầu tư	7.101.775	4.338.101	7.101.775	4.338.101
DT hoạt động tư vấn đầu tư	3.000.000.000	-	3.000.000.000	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.007.101.775</b>	<b>4.338.101</b>	<b>3.007.101.775</b>	<b>4.338.101</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5.2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên trực tiếp	356.575.549	269.592.286	356.575.549	269.592.286
Chi phí khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>356.575.549</b>	<b>269.592.286</b>	<b>356.575.549</b>	<b>269.592.286</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	444.295	5.438.771	444.295	5.438.771
Lãi đầu tư tài chính	1.294.377.186	-	1.294.377.186	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>1.294.821.481</b>	<b>5.438.771</b>	<b>1.294.821.481</b>	<b>5.438.771</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	72.120.000	5.932.297.715	72.120.000	5.932.297.715
Chi phí tài chính khác	-	-	-	-
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>72.120.000</b>	<b>5.932.297.715</b>	<b>72.120.000</b>	<b>5.932.297.715</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.202.177.804	224.613.732	1.202.177.804	224.613.732
Chi phí vật liệu văn phòng	122.000	216.027	122.000	216.027
Chi phí dụng cụ văn phòng	59.174.034	13.157.137	59.174.034	13.157.137
Thuế và các khoản lệ phí	25.571.254	3.000.000	25.571.254	3.000.000
Chi phí khấu hao, Phân bổ TSCĐ, CCDC	86.391.990	-	86.391.990	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.951.899	339.487.902	1.043.951.899	339.487.902
Chi phí khác bằng tiền	64.674.540	23.966.006	64.674.540	23.966.006
<b>Cộng</b>	<b>2.482.063.521</b>	<b>604.440.804</b>	<b>2.482.063.521</b>	<b>604.440.804</b>

**5.6 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

**5.7 Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Quý I		Lũy kế đến hết quý I	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	1.558.753.353	494.206.018	1.558.753.353	494.206.018
Chi phí cho hoạt động nghiệp vụ	-	-	-	-
Chi phí dụng cụ văn phòng	59.296.034	13.373.164	59.296.034	13.373.164
Thuế và các khoản lệ phí	25.571.254	3.000.000	25.571.254	3.000.000
Chi phí khấu hao, Phân bổ TSCĐ, CCDC	86.391.990		86.391.990	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.043.951.899	339.487.902	1.043.951.899	339.487.902
Chi phí khác bằng tiền	64.674.540	23.966.006	64.674.540	23.966.006
<b>Cộng</b>	<b>2.838.639.070</b>	<b>874.033.090</b>	<b>2.838.639.070</b>	<b>874.033.090</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên được gọi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm các cổ đông, thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Quý I năm 2020

	Quý I năm 2020 VND
<b>Tổng thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>242.362.408</b>
Nguyễn Thị Mai Trinh	32.220.000
Đình Quang Nương	210.142.408
<b>Tổng thu nhập của Hội đồng quản trị</b>	<b>72.032.000</b>
Nguyễn Hải Châu	72.032.000
<b>Cộng</b>	<b>314.394.408</b>



**Đình Thị Thu Hiền**  
Giám đốc tài chính  
Ngày 19 tháng 04 năm 2021

**Quách Trung Kiên**  
Kế toán trưởng